TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2018/DS-ST.
Ngày 14-12-2018.
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự góp hụi, vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Đững.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Mỹ Liên;

2. Ông Ngô Minh Lý.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hảnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 252/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi, vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2018/QĐXX-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Xuân Hn (Tên thường gọi: H), sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp S S, xã A T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1979; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp A B, xã A T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của chị H, anh T: Anh Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1971; địa chỉ: 725/28 T C, phường T T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02-12-2017); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân Hn trình bày: Chị H là hụi viên tham gia các dây hụi do bà là chủ thảo gồm:

Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 20-02-2016, gồm 21 phần, mãn ngày 20-10-2017, hụi có tiền hoa hồng 2.000.000 đồng. Chị H tham gia 01 phần và ghi tên H trong danh sách hụi viên. Chị H trúng thăm lĩnh hụi vào ngày 20-4-2016 được số tiền 79.640.000 đồng. Bà đã đăng tiền hụi đầy đủ cho chị H (Có giấy đăng hụi do chị H ký tên nhận tiền). Sau khi nhận tiền hụi xong, hàng tháng chị H có đóng hụi đã lĩnh nhưng không đầy đủ và sau đó không đóng hụi cho bà.

Dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 10-6-2016, gồm 20 phần, hụi có tiền hoa hồng 1.200.000 đồng, mãn ngày 10-01-2018. Chị H tham gia 01 phần và ghi tên H trong danh sách hụi viên. Chị H trúng thăm lĩnh hụi tháng đầu tiên được số tiền 44.210.000 đồng. Bà đã đăng tiền hụi đầy đủ cho chị H (Có giấy đăng hụi do chị H ký tên nhận tiền). Sau khi nhận tiền xong, hàng tháng chị H có đóng hụi đã lĩnh nhưng không đầy đủ và sau đó không đóng hụi cho bà.

Cụ thể kể từ ngày lĩnh hụi của 02 dây hụi trên, chị H đóng tiền hụi không đầy đủ, có vài lần anh T mang tiền đến đóng hụi cho bà, tính đến tháng 7-2017 chị H còn nợ tiền hụi của bà là 36.900.000 đồng; tháng 9, 10-2017 nợ tiền hụi tổng cộng 16.000.000 đồng; tháng 11, 12-2017 và tháng 01-2018 chị H nợ tiền hụi mỗi tháng 3.000.000 đồng (Vì dây hụi 5.000.000 đồng/tháng đã mãn vào tháng 10-2017). Như vậy, tổng số tiền hụi của 02 dây hụi chị H còn nợ bà là 61.900.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 30-7-2016 bà có cho chị H vay số tiền 15.000.000 đồng, chị H viết và ký tên vào sổ nợ của bà. Chị H cho rằng vay để xây nhà, 03 tháng sau sẽ trả lại. Thực tế, hai bên có thỏa thuận lãi suất 6%/tháng. Sau khi vay, chị H trả cho bà được 02 tháng tiền lãi tổng cộng là 1.800.000 đồng, không lập văn bản nhận tiền lãi.

Nay bà yêu cầu vợ chồng chị H, anh T trả cho bà số tiền hụi 61.900.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 15-11-2017 đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm vụ án. Đồng thời, yêu cầu trả số tiền vay 15.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, số tiền lãi 1.800.000 đồng bà đã nhận trước đây không yêu cầu khấu trừ lại.

Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ chị H, anh T nhưng chị H, anh T không đến Tòa án để tham gia tố tụng trong vụ án, không nộp bản tự khai cho Tòa án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hn. Ngày 28-11-2018, Tòa án nhận được giấy ủy quyền ngày 02-12-2017 có nội dung chị H, anh T ủy quyền cho anh Nguyễn Trọng Đ tham gia tố tụng trong vụ án. Tuy nhiên, anh Đ đều vắng mặt tại 02 phiên tòa xét xử sơ thẩm nên cũng không thể hiện ý kiến của chị H, anh T đối với yêu cầu của bà Hn do anh Đ trình bày.

Ngày 23-10-2018, Thẩm phán ra quyết định trưng cầu Phòng Giám định kỹ thuật hình sự- Bộ Quốc Phòng thực hiện giám định: Chữ ký, chữ viết từ dòng thứ 6 đến dòng thứ 10 từ trên xuống của Bút lục số 17; chữ ký, chữ viết từ dòng thứ 7 đến dòng thứ 10 từ trên xuống của Bút lục số 18; chữ ký, chữ viết từ dòng thứ nhất đến dòng thứ tư từ dưới lên của Bút lục số 19 có phải do chị Nguyễn Thị Bích H viết và ký không.

Ngày 06-11-2018, Phòng Giám định kỹ thuật hình sự- Bộ Quốc Phòng ban hành Kết luận số 311/GĐKTHS-P11 có nội dung kết luận: "Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị Bích H trong các giấy nhận tiền hụi và giấy ghi nợ của bà Hn cung cấp do chị H, viết và ký tên".

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn chị H, anh T không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân Hn đối với chị Nguyễn Thị Bích H, anh Nguyễn Văn T.

Buộc chị H và anh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Hn số tiền 76.900.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền hụi. Ghi nhận bà Hn không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Trọng Đ là người đại diện của bị đơn chị Nguyễn Thị Bích H, anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Hn yêu cầu vợ chồng chị H, anh T trả số tiền hụi 61.900.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 15-11-2017 đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bà Hn yêu cầu vợ chồng chị H, anh T trả số tiền vay 15.000.000 đồng. Chị H, anh T và người đại diện của chị H, anh T là anh Đ không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hn. Chứng cứ bà Hn xuất trình là 02 Giấy đăng hụi (Bút lục số 18, 19) và Giấy mượn tiền bút lục số 17. Mặc dù, Tòa án đã tống đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập chị H, anh T, anh Đ nhưng chị H, anh T, anh Đ không

đến Tòa án tham gia tố tụng trong vụ án, không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vụ án theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ vào lời trình bày của bà Hn thể hiện: Chị H có tham gia 02 dây hụi do bà làm chủ thảo, chị H đã trúng thăm lĩnh hụi và bà đã giao đủ tiền hụi như 02 Giấy đăng hụi (Bút lục số 18, 19) đã thể hiện. Sau khi lĩnh tiền hụi, hàng tháng chị H đóng hụi cho bà không đầy đủ và sau đó không đóng tiền hụi cho bà. Hiện tại, chị H còn nợ tiền hụi của bà đối với 02 dây hụi tranh chấp là 61.900.000 đồng. Ngoài ra, ngày 30-7-2016, bà có cho chị H vay số tiền 15.000.000 đồng (Bút lục số 17). Mặt khác, căn cứ vào Kết luận giám định số 311/GĐKTHS-P11 ngày 06-11-2018 của Phòng Giám định kỹ thuật hình sự- Bộ Quốc Phòng kết luận: "Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị Bích H trong các giấy nhận tiền hụi và giấy ghi nợ bà Hn cung cấp do chị H, viết và ký tên".

Vì vậy, có căn cứ khẳng định chị H đã trúng thăm lĩnh hụi và còn nợ bà Hn số tiền hụi 61.900.000 đồng và nợ số tiền vay 15.000.000 đồng. Căn cứ vào lời trình bày của bà Hn thể hiện có vài lần anh T là chồng chị H mang tiền đến nhà bà đóng hụi thay cho chị H; hiện nay, chị H và anh T vẫn còn trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc anh T liên đới cùng chị H trả nợ cho bà Hn.

Xét yêu cầu của bà Hn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền hụi 61.900.000 đồng kể từ ngày 15-11-2017 (Ngày nộp đơn khởi kiện) đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm vụ án là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, yêu cầu của bà Hn phù hợp với quy định tại Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ. Cụ thể, lãi suất được chiết tính như sau:

61.900.000 đồng x 9%/năm x 12 tháng 29 ngày (Từ ngày 15-11-2017 đến ngày 14-12-2018) = 6.019.775 đồng.

Tổng cộng số tiền hụi và tiền lãi là: 61.900.000 đồng + 6.019.775 đồng = 67.919.775 đồng.

Như vậy, tổng số tiền hụi và tiền vay vợ chồng chị H, anh T phải trả cho bà Hn là: 67.919.775 đồng + 15.000.000 đồng = 82.919.775 đồng (Lấy tròn số 82.919.500 đồng).

Khi khởi kiện, bà Hn yêu cầu vợ chồng chị H, anh T trả số tiền hụi 61.900.000 đồng, trả số tiền vay 15.000.000 đồng, yêu cầu trả tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền hụi và tiền vay từ ngày 15-11-2017 đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm vụ án. Tại phiên tòa, bà Hn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Bà Hn yêu cầu vợ chồng chị H, anh T trả số tiền hụi 61.900.000 đồng, trả số tiền vay 15.000.000 đồng, yêu cầu trả tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền hụi từ ngày 15-11-2017 đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm vụ án. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Hn không vượt quá yêu cầu khởi kiện

ban đầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Huyền theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân Hn yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị Bích H, anh Nguyễn Văn T trả số tiền số tiền hụi 61.900.000 đồng và tiền lãi, yêu cầu trả số tiền vay 15.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị H, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[6] Chi phí giám định: Buộc chị H, anh T hoàn trả cho bà Hn số tiền 3.890.000 đồng theo quy định tại Điều 161, 162 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228, Điều 244, 161, 162 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 471, 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân Hn (Tên thường gọi: H) tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi, vay tài sản đối với chị Nguyễn Thị Bích H và anh Nguyễn Văn T.

2. Buộc chị Nguyễn Thị Bích H và anh Nguyễn Văn T trả cho bà Nguyễn Thị Xuân Hn (Tên thường gọi: H) số tiền 82.919.500 (Tám mươi hai triệu chín trăm mười chín nghìn năm trăm) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Xuân Hn (Tên thường gọi: H) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Hn (Tên thường gọi: H) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh theo các biên lai sau:

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009426 ngày 20 tháng 11 năm 2017 số tiền 1.922.500 (Một triệu chín trăm hai mươi hai nghìn năm trăm) đồng;

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016161 ngày 27 tháng 6 năm 2018 số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Nguyễn Văn T phải chịu 4.145.500 (Bốn triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chi phí giám định: Buộc chị Nguyễn Thị Bích H và anh Nguyễn Văn T hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Xuân Hn (Tên thường gọi: H) số tiền 3.890.000 (Ba triệu tám trăm chín mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Báo cho bà Hn (Tên thường gọi: H) biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị H, anh T có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Đững